

Số: /BVĐKSĐ-VTTBYT

Sa Đéc, ngày tháng 8 năm 2023

V/v gia hạn yêu cầu báo giá Gói thầu
mua vật tư y tế năm 2023 lần thứ 2

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua vật tư y tế năm 2023 lần thứ 2 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ds. Tống Thị Hoàng Diệp, Phó Trưởng phòng Phòng Vật tư Thiết bị Y tế;
ĐT: 0949.341.036.
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153, Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hòa Khánh, Phường 2, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
 - Nhận qua email: vttbyt.bvsa@gmail.com.
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 23 tháng 8 năm 2023 đến trước 8h00 ngày 31 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục yêu cầu báo giá: Phụ lục kèm theo.
2. Địa điểm cung cấp: Phòng Vật tư Thiết bị Y tế, Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc, số 153, Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hòa Khánh, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được đơn hàng từ Bệnh viện.
 - Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III, IV/2023.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Chuyển khoản và thanh toán theo tiến độ.
 - Điều kiện thanh toán: Được cung cấp đầy đủ hóa đơn, biên bản nghiệm

thu hàng hóa mỗi kỳ, chứng từ hợp lệ.

- Thời hạn thanh toán: 90 ngày.

5. Các thông tin khác: Không.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT BV;
- Lưu: VT, VTTBYT. Diep.

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Tùng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số

/BVĐKSD-VTTBYT ngày

tháng 8 năm 2023 của

Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc)

Stt	Nhóm loại vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ	Bông không thấm nước <> Bông mờ <> hoặc tương đương;	kg	80	
2	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Băng cuộn vải 9cm x 2,5m <> hoặc tương đương	cuộn	6.000	
3	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Băng keo cá nhân <> hoặc tương đương	miếng	80.000	
4	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn dùng để băng các vết thương, vết mổ, vết khâu các loại, các cỡ	Băng có gạc vô trùng 9cm x 10cm <> Optiskin <> hoặc tương đương;	miếng	1.000	
5	Vật liệu cầm máu các loại (sáp, bone, surgicel, merocel, spongostan, gelitacel, floseal heamostatic, liotit)	Miếng cầm máu bằng Gelatin dạng bột xộp (70-80)mm x 50mm x 10mm <> hoặc tương đương	miếng	150	
6	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim số 18G <> hoặc tương đương	cái	100.000	
7	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn số 24G có cửa bơm thuốc <> hoặc tương đương;	cây	40.000	
8	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)	Dây truyền dịch 20 giọt/ml sử dụng cho máy đếm giọt tự động <> hoặc tương đương;	bộ	1.000	
9	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	Găng tay kiểm tra size M <> hoặc tương đương	đôi	60.000	
10	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	Găng tay cổ tay dài các cỡ, chiều dài $\geq$ 280mm <> hoặc tương đương	đôi	60.000	
11	Ống, dây cho ăn các loại, các cỡ	Dây cho ăn các số có nắp <> hoặc tương	sợi	2.000	

Stt	Nhóm loại vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		đương;			
12	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Lọ đựng bệnh phẩm có nắp, thể tích $\geq 40\text{ml}$ hoặc tương đương.	cái	2.000	
13	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống mao quản lấy máu tĩnh mạch hay Ống hematocrite hoặc tương đương	ống/100 cây	50	
14	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống Heparin 2ml hoặc tương đương	cái	60.000	
15	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống nghiệm EDTA nắp nhựa, chống đông 2ml máu, có vạch chia thể tích hoặc tương đương	cái	100.000	
16	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi đựng bệnh phẩm nội soi hoặc tương đương	cái	100	
17	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	Ống dẫn lưu màng phổi chuyên dụng số 32F hoặc tương đương	cái	50	
18	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mask oxy nồng độ cao có túi dự trữ các số (người lớn, trẻ em, sơ sinh) hoặc tương đương;	cái	1.500	
19	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Bộ Mask thở khí dung (lớn, nhỏ) hoặc tương đương;	bộ	1.500	
20	Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk (3/0), dài 75cm, kim tam giác 18mm, 3/8 vtr hoặc tương đương	tép	500	
21	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon (10/0), dài $\geq 30\text{cm}$, 2 kim hình thang, 3/8 vtr $\diamond$ hoặc tương đương	tép	200	

Stt	Nhóm loại vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
22	Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon (3/0), dài 75cm, kim 26mm, 3/8 vtr <> hoặc tương đương	tép	1.000	
23	Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ	Điện cực dán/ miếng dán điện cực các loại <> hoặc tương đương	cái	5.000	
24	Băng keo thử nhiệt các loại, các cỡ	Băng keo chỉ thị nhiệt 12mm x 55m <> 1322 - 12MM <> hoặc tương đương	cuộn	30	
25	Chỉ thị hóa học 2 thông số (nhiệt độ, thời gian)	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế <> 1250 <> hoặc tương đương;	que	2.500	
26	Phim X-quang các loại, các cỡ	Phim khô X-quang 25cm x30cm sử dụng cho máy in nhiệt Fuji <> hoặc tương đương	cái	15.000	
27	Bộ dây lọc máu các loại, các cỡ	Dây truyền máu dùng cho lọc thận (4 trong 1) <> hoặc tương đương	bộ	30.000	
28	Kìm, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ	Clip kẹp mạch máu cỡ trung bình-lớn, chất liệu titanium, dùng trong mổ mở hoặc nội soi (LT300-LT400) hoặc tương đương;	cái	120	
29	Săng mổ 50cm x 50cm (không lỗ)	Săng mổ 50cm x 50cm (không lỗ) <> hoặc tương đương	cái	20.000	
30	Tạp dề y tế	Tạp dề y tế <> hoặc tương đương	cái	3.000	
31	Đè lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng <> hoặc tương đương;	cái	20.000	
32	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai TCU 380 <> hoặc tương đương;	cái	100	
33	Bao cao su	Bao cao su	cái	2.000	

Stt	Nhóm loại vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
34	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nẹp mini xương hàm 18 lỗ dùng vít 2.0mm <> Hoặc tương đương;	cái	10	
35	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Vít khóa 2,0 mm các cỡ: Đường kính 2,0mm x chiều dài 8mm với mỗi bước tăng 2mm, toàn ren (full Thread), Chất liệu: Titanium <> hoặc tương đương	cái	100	
36	Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ	Kim nha khoa G27 <> hoặc tương đương	cây	6.000	
37	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn dùng để băng các vết thương, vết mổ, vết khâu các loại, các cỡ	Băng keo có gạc vô trùng 100x70mm <> UrgoSterile 100x70mm <> hoặc tương đương;	miếng	1.000	
38	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sonde Pezzer (ống thông niệu quản) các số hoặc tương đương;	cái	300	
39	Ống hút thai các loại, các cỡ	Ống hút thai các số	cái	1.000	
40	Bộ điều kinh	Bộ điều kinh Karman hoặc tương đương	bộ	200	
41	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Dây hút dịch phẫu thuật hoặc tương đương;	cái	2.000	
42	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Băng bột bó xương (15cm x 2,7m) $\geq 97\%$ thạch cao nguyên chất <> hoặc tương đương	cuộn	1.500	
43		Nhiệt kế thủy ngân	cái	100	
44	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	Bơm tiêm 50ml dùng cho máy bơm tiêm tự động Terumo hoặc tương đương	cái	7.000	
45	Quả lọc, màng lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong siêu lọc	Màng lọc nội độc tố vi khuẩn; Chất liệu vỏ bọc: Polypropylen;	bộ	30	

Stt	Nhóm loại vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	máu, lọc máu liên tục các loại, các cỡ	Diện tích màng: $\geq 2,2\text{m}^2$; Thông số lọc: $\geq 5\text{mL}/\text{min mm HG}$ hoặc tương đương			
46	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Màng Polysulfone khả năng hấp thụ cao: có khả năng loại bỏ vi khuẩn và nội độc tố $> 10 \text{ IU}/\text{ml}$, tuổi thọ màng lọc: 150 lần chạy thận/ khoảng 900 giờ hay DIACAP ULTRA DF-ONLINE FILTER AP hoặc tương đương (máy HDF online)	cái	10	
Tổng cộng: 46 khoản					